

Đóng góp của Thái học Việt Nam trong nghiên cứu và đào tạo Việt Nam học

Vương Toàn^(*)

Tóm tắt: Bài viết khảo cứu các nghĩa của từ “Thái” và định vị “Thái học” như một lĩnh vực liên ngành nghiên cứu lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ và xã hội của cộng đồng các tộc người thuộc ngữ hệ Thái-Kadai ở Việt Nam và khu vực. Trên cơ sở tổng thuật tư liệu, bài viết cho thấy tuy có những khác biệt song các học giả Việt Nam thống nhất về các tộc người thuộc ngữ hệ Thái-Kadai, từ đó nêu lên những đóng góp nổi bật của Thái học quốc tế qua chuỗi Hội nghị Thái học Quốc tế (ICTS) và công trình của các tác giả người Pháp, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan; tiếp đó là sự hình thành và phát triển của Thái học Việt Nam, đặc biệt là vai trò của Chương trình Thái học Việt Nam trong tổ chức, kết nối nghiên cứu với đào tạo Việt Nam học, gắn với bảo tồn di sản văn hóa các cấp. Từ đó, bài viết khẳng định Thái học là một hợp phần không thể thiếu của Việt Nam học.

Từ khóa: Đào tạo, Nghiên cứu, Thái học, Thái-Kadai, Việt Nam học

Abstract: The article investigates the various meanings of the term “Thai” and positions “Thai Studies” as an interdisciplinary field that examines the history, culture, language, and society of ethnic communities belonging to the Tai-Kadai language family in Vietnam and the surrounding region. Based on a literature review, the article shows that despite of some differences in opinion, Vietnamese scholars generally agree on the classification of Tai-Kadai ethnic groups. From this foundation, it highlights the significant contributions of Thai Studies worldwide through the series of International Conferences on Thai Studies (ICTS) and the works of French, Russian, American, and Thai scholars. It then discusses the formation and development of Thai Studies in Vietnam, particularly the role of the Thai Studies Program in Vietnam in organizing and connecting research with Vietnam Studies training, through curricula linked to the preservation of cultural heritage at various levels. Consequently, the article affirms that Thai Studies is an indispensable component of Vietnam Studies.

Keywords: Training, Research, Thai Studies, Tai-Kadai, Vietnam Studies

Ngày nhận bài: 15/10/2025; Ngày duyệt đăng: 10/12/2025

1. Mở đầu

Trong bối cảnh nghiên cứu khu vực và dân tộc học ở Việt Nam ngày càng đòi

hỏi những tiếp cận liên ngành, việc nhận diện đúng vị trí, vai trò của Thái học trở nên đặc biệt quan trọng. Không chỉ gắn với một cộng đồng tộc người có lịch sử lâu dài và văn hóa phong phú, Thái học còn mở ra một trường nghiên cứu rộng lớn, kết nối giữa ngôn ngữ, văn hóa, xã

^(*)PGS.TS., Nguyên Phó Viện trưởng Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Chủ nhiệm Chương trình Thái học Việt Nam; Email: vuongtoanls@gmail.com

hội, lịch sử và phát triển bền vững. Trong nhiều thập kỷ qua, sự tham gia của các học giả trong và ngoài nước đã góp phần định hình Thái học như một lĩnh vực khoa học độc lập, có hệ thống và có bề dày tư liệu đáng kể.

2. Đối tượng của Thái học Việt Nam

Trong tiếng Việt, “Thái” là từ đồng âm nhiều nghĩa. Không kể khi là danh từ chung (dù ít dùng) (Hoàng Phê, 1988: 940); những khi là danh từ riêng “Thái” có thể là dạng tắt địa danh chỉ hai nơi khác biệt là *Thái Lan* (ví dụ: *xoài Thái...*) và *Thái Nguyên* (ví dụ: *chè Thái...*). Và khi là tộc danh, “Thái” cũng có thể mang ba nghĩa rộng - hẹp: (1) tên gọi chính thức chỉ một dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam; (2) dạng thay thế cho *Thái Lan*, như trong “*người Thái*”; (3) với nghĩa rộng nhất được dùng ở khái niệm *Thái học* (Thai/Tai Studies), là dạng tắt được giới chuyên môn sử dụng phổ biến để chỉ việc nghiên cứu về cộng đồng tộc người (gồm các dân tộc và nhóm địa phương) sử dụng các ngôn ngữ mà giới chuyên ngành xác định thuộc ngữ hệ/họ Thái-Kadai (Tai/Tai languages family).

Khi viết về tên gọi họ Thái-Kadai, Hoàng Văn Ma (2015: 314-321) đã trình bày chi tiết về sự xuất hiện và quá trình tiếp nhận khái niệm này. Do sự đa dạng của các ngôn ngữ trong ngữ hệ, cách gọi tên ngữ hệ, nhóm ngôn ngữ hoặc tên dân tộc vẫn còn nhiều điểm chưa thống nhất. Khi ngôn ngữ học so sánh - lịch sử xác lập rằng ở khu vực Đông Nam Á có 5 họ ngôn ngữ chính, trong đó có họ Thái-Kadai (Trần Trí Dõi, 2015: 195), thì việc phân chia ngôn ngữ thành nhóm và phương ngữ/thổ ngữ, cũng như cách đặt tên, có thể khác nhau tùy theo quan điểm nghiên cứu. Mặc dù các nhà nghiên cứu

đều thừa nhận sự hiện diện của ngữ hệ/họ Thái-Kadai ở Việt Nam, song cách phân định các nhóm ngôn ngữ trong ngữ hệ này vẫn chưa đạt được sự đồng thuận. Sự khác biệt này xuất phát từ cách phân loại của các học giả. Các nhà nghiên cứu Việt Nam đều phân chia một ngôn ngữ thành nhiều phương ngữ hoặc thổ ngữ, song chưa đạt được sự thống nhất trong một số trường hợp cụ thể. Tuy hiện nay các chuyên gia vẫn chưa thống nhất về số lượng ngôn ngữ, song theo quan niệm rộng nhất, *ngữ hệ Thái-Kadai bao gồm tiếng nói của các dân tộc: Bố Y, Cơ Lao, Giáy, La Chí, La Ha, Lào, Lự, Nùng, Pu Péo, Tày, Thái; cùng với 3 nhóm địa phương: Cao Lan (thuộc dân tộc Sán Chay), Thủy (thuộc dân tộc Pà Thẻn) và Tóng (thuộc dân tộc Dao)*. Như vậy, đối tượng của Thái học Việt Nam chính là cộng đồng các tộc người này ở Việt Nam. Có thể nói, cộng đồng này thực sự là một tiêu gia đình trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu và đào tạo về Thái học là một hợp phần quan trọng và không thể thiếu của Việt Nam học.

3. Thái học Việt Nam và một số đóng góp trong nghiên cứu Việt Nam học

Thái học Việt Nam được hiểu là toàn bộ những nghiên cứu do cá nhân hoặc tổ chức khoa học trong nước thực hiện, có thể có sự cộng tác hoặc phối hợp nghiên cứu với các chuyên gia nước ngoài. Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam đã trình bày tham luận tại các diễn đàn quốc tế, đồng thời tham gia giảng chuyên đề cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tại một số trường đại học nước ngoài.

3.1. Về đội ngũ và tổ chức nghiên cứu

Những công trình nghiên cứu đầu tiên trong lĩnh vực Thái học Việt Nam phần lớn là sản phẩm cá nhân hoặc hợp tác của

một vài tác giả, xuất phát từ niềm yêu thích hoặc mối quan tâm đặc biệt với một dân tộc thuộc cộng đồng tộc người này. Trong số những người tiên phong, có thể kể đến: Nguyễn Văn Huyền (1934)¹ và Lã Văn Lô (1958)² với các công trình về dân tộc Tày; Đặng Nghiêm Vạn (1965)³ và Tô Ngọc Thanh (1968-1969)⁴ với nhiều khảo cứu về dân tộc Thái.

Khi Thái học Việt Nam bắt đầu nhận được sự quan tâm của giới khoa học trong và ngoài nước, số lượng công trình tăng lên đáng kể, đặc biệt trong các chương trình, đề tài và nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia. Nhiều dự án có sự tư vấn của chuyên gia quốc tế và sự tài trợ từ các tổ chức nước ngoài. Không ít công trình được xuất bản nhờ sự khích lệ hoặc hỗ trợ từ các hội đoàn học thuật trong và ngoài nước, cùng nhiều tổ chức khoa học địa phương và quốc tế. Nhờ đó, ngày càng có nhiều tác giả sưu tầm, khảo cứu và công bố chuyên khảo về các dân tộc hoặc ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Thái-Kađai.

Một số nhà nghiên cứu còn thực hiện luận án hoặc công trình khoa học tại nước ngoài, góp phần bổ sung tri thức quốc tế về lĩnh vực này⁵.

¹ Nguyễn Văn Huyền (1934), *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam (Hát đối nam nữ ở Việt Nam)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sorbonne.

² Lã Văn Lô (1958), “Giới thiệu sơ lược về dân tộc Tày”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5.

³ Đặng Nghiêm Vạn (1965), “Sơ lược về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 78, tháng 9, tr. 40-98.

⁴ Tô Ngọc Thanh (1968-1969), “Âm nhạc dân gian Thái Tây Bắc”, chuyên khảo công bố nhiều kỳ trên *Nội san Âm nhạc và Múa* của Vụ Nhạc - Múa, Bộ Văn hóa; bổ sung và tái bản tại Nxb. Âm nhạc, 1998, 158 trang.

⁵ Ví dụ:

- Lý Viết Trường (2024), *Đời sống thầy Tào người Nùng Phần Slinh trong bối cảnh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Dân tộc Quảng Tây (Trung Quốc).

Song hành với các công trình nghiên cứu cá nhân, vào cuối thập niên 1980 của thế kỷ XX, hoạt động khảo cứu về cộng đồng các tộc người thuộc ngữ hệ Thái-Kađai chính thức có một tổ chức khoa học, đó là *Chương trình Thái học Việt Nam*.

Như chúng tôi đã có dịp giới thiệu trên tạp chí này, Chương trình này hiện trực thuộc Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, với định hướng nghiên cứu liên ngành, gắn kết giữa Khu vực học và Khoa học phát triển.

Nhờ được tạo điều kiện thuận lợi, *Chương trình Thái học Việt Nam* đã công bố nhiều ấn phẩm khoa học quan trọng về các nhóm dân tộc và ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Thái-Kađai. Tiêu biểu là:

- *Từ điển văn hóa các dân tộc Thái - Tày - Nùng* (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016, 507 trang);

- Các chuyên khảo chuyên sâu về từng dân tộc và ngôn ngữ, như: Phạm Văn Lợi (chủ biên, 2020), *Vai trò của cộng đồng dân tộc Thái trong phát triển bền vững vùng Tây Bắc*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 567 trang.

- Các hội thảo khoa học do *Chương trình Thái học Việt Nam* tổ chức hoặc phối hợp tổ chức, tập trung vào những chủ đề chuyên biệt và đều có kỷ yếu hoặc sách chuyên khảo xuất bản kèm theo.

- Hoàng Việt Bình (2023), *Nghiên cứu nghệ thuật Đàn hát Then của người Tày tỉnh Cao Bằng*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Nghệ thuật Quảng Tây.

- Hoàng Văn Ma (1988), *Về vấn đề vị trí của tiếng La Ha* (bằng tiếng Nga), Luận án Tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

- Chu Xuân Giao (2015), *Quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam và sự tạo sinh văn hóa khu vực: Từ trường hợp của nhóm Nùng An ở vùng Đông Bắc Việt Nam* (bằng tiếng Nhật), Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc lập Nghiên cứu Tổng hợp, Nhật Bản.

- Bộ sách *Ngôn ngữ các dân tộc Thái - Kàđai ở Việt Nam: Từ vựng cơ bản tiếng địa phương* đang trong quá trình hoàn thiện. Đây sẽ là một nguồn ngữ liệu quý, do người bản ngữ trực tiếp ghi nhận, phản ánh tiếng địa phương đang được sử dụng hiện nay.

Hoạt động của *Chương trình Thái học Việt Nam* đã được ghi nhận trong công trình *Thái học Việt Nam: 30 năm - Một chặng đường* (Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, 325 trang).

3.2. Về các dân tộc được nghiên cứu

Do điều kiện và tầm nhìn, khi mới thành lập Chương trình này chủ yếu tập trung nghiên cứu các dân tộc thuộc nhóm Tày - Thái. Về sau, phạm vi nghiên cứu được mở rộng ra toàn bộ cộng đồng các tộc người thuộc ngữ hệ Thái-Kàđai. Trong số đó, ba tộc người có dân số đông nhất và được quan tâm nhiều và từ sớm là Tày¹, Thái và Nùng, phần lớn được đề cập ở các công trình riêng lẻ, thường được nghiên cứu độc lập, trong bối cảnh tồn tại của Khu tự trị Việt Bắc (1956-1975) và Khu tự trị Thái - Mèo (1955-1962), sau đổi tên là Khu tự trị Tây Bắc (1962-1975). Theo đó là chủ trương xây dựng một bộ chữ Latinh cho tiếng Tày-Nùng; từ đó, hai dân tộc này thường được nghiên cứu chung (Vương Toàn, Hoàng Khả Hưng và Nguyễn Tiểu Mỹ, 2016).

Về các dân tộc còn lại cũng thuộc ngữ hệ này, do cũng có khá nhiều công trình nghiên cứu nên chúng tôi chỉ kể ra một vài công trình tiêu biểu trong số những ấn phẩm đã xuất bản (theo nguồn tin tiếp nhận được) như sau:

- Về dân tộc *Bố Y*, có các nghiên cứu: Trần Hữu Sơn (chủ biên), *Văn hóa dân gian người Bố Y ở Lào Cai*, tập 1 xuất bản năm 2013, 470 trang, tập 2 xuất bản năm 2015, 571 trang, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội; Trần Quốc Việt (2010), *Âm nhạc dân gian của người Bố Y*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 139 trang.

- Về người *Cơ Lao*, có: Phạm Quang Hoan (chủ biên, 2012), *Dân tộc Cơ Lao ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 519 trang; Hoàng Thị Cấp (2013), *Văn học dân gian của người Cơ Lao ở Lào Cai*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 207 trang.

- Về dân tộc *Giáy*, đã có những công trình của người bản ngữ: Lò Ngân Sùn (1997), *Bước đầu tìm hiểu văn hóa người Giáy*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội; Sần Cháng (2010), *Mơ trong đám tang dân tộc Giáy Lào Cai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 932 trang; Lò Văn Chiến (2011), *Lễ tang người Pú Nả*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 360 trang.

- Về dân tộc *La Chí*, có: Vũ Tú Quyên (2009), *Người La Chí ở Hà Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 291 trang.

- Về dân tộc *La Ha*, sau khi bảo vệ thành công luận án về ngôn ngữ này, Hoàng Văn Ma và N.V. Sonceva đã xuất bản cuốn *Jazyk La Ha* (Tiếng La Ha) năm 1986, Nxb. Nauka, Moskva, 407 trang (tiếng Nga).

- Về dân tộc *Lào*, có: Võ Thị Mai Phương (2012), *Trang phục của người Lào ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 287 trang.

- Về dân tộc *Lự*, có: Hoàng Sơn (chủ biên, 2006), *Người Lự ở Sìn Hồ, Lai Châu*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 217 trang.

- Về dân tộc *Pu Páo*, có: Lê Trung Vũ (1988), *Truyện cổ Pu Páo*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 243 trang; Lê Trung Vũ

¹ Trước đây gọi là *Thổ*. Từ năm 1974, tộc danh này được dùng chính thức để chỉ một DTTS (thuộc nhóm Việt - Mường) gồm các nhóm: Tày Poọng + Đan Lai + Ly Hà + Kẹo + Mọn + Cuối + Họ.

(1993), *Dân ca Pu Péo*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 173 trang.

Ngoài các dân tộc nói trên, còn 3 nhóm địa phương cũng được giới ngôn ngữ học cho là thuộc ngữ hệ Thái-Kađai.

Trước hết là nhóm *Cao Lan*, được ghép với nhóm *Sán Chỉ* thành dân tộc *Sán Chay*¹. Tuy nhiên, khác với tiếng Sán Chỉ, tiếng Cao Lan thuộc ngữ hệ Thái-Kađai. Trong số khá nhiều công trình về nhóm này, có hai cuốn tiêu biểu: Phương Bằng² (sưu tầm và dịch, 1981), *Dân ca Cao Lan*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 111 trang; Lâm Quý (2004), *Văn hóa Cao Lan*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 242 trang.

Hai nhóm *Thủy* và *Tống* nay được kết hợp lần lượt với *Pà Thên* (còn gọi là Pà Hưng) và *Dao*, trở thành nhóm địa phương của hai dân tộc này³. Tuy nhiên, khác với tiếng Pà Thên và tiếng Dao, tiếng Thủy và tiếng Tống thuộc ngữ hệ Thái-Kađai. Về nhóm Thủy, có cuốn: Nguyễn Ngọc Thanh và cộng sự (2014), *Văn hóa truyền thống người Thủy ở Tuyên Quang*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 378 trang. Với nhóm Tống, chúng tôi chưa ghi nhận được thông tin nào về công trình riêng đề cập đến nhóm này, ngoài một số bài viết trên mạng xã hội.

3.3. Về lĩnh vực nghiên cứu

Chiếm đa số là nghiên cứu về văn hóa và văn học dân gian, tiếng nói và chữ viết. Đề cập đến tín ngưỡng, có nhiều hội thảo và công trình về nhóm Then và những tập tục, thể hiện trong lễ hội, cưới xin, ma chay và sinh hoạt cộng đồng, có khi còn được thể hiện ngay cả ở kiến trúc nhà cửa hay

trang phục tùy lúc, tùy chỗ. Nhiều công trình sưu tầm văn thơ và nghệ thuật trang trí (như hoa văn), tri thức dân gian, khảo tả nghề thủ công đã được công bố.

Gần đây, du lịch cộng đồng được quan tâm và trở thành đề tài của một số nghiên cứu, do lĩnh vực này khai thác được những giá trị văn hóa truyền thống có thể làm thay đổi sinh kế của người dân.

Về lịch sử, có thể kể đến các công trình tiêu biểu như: Cầm Trọng (1987), *Máy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế - xã hội cổ đại người Thái ở Tây Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 319 trang; Hoàng Lương (2015), *Người Tày - Thái cổ ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 589 trang.

Về nhân vật lịch sử, có hội thảo và sách chuyên khảo viết về Nùng Trí Cao⁴. Về lãnh tụ cách mạng, có các công trình về Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri, Hoàng Văn Kiêu...

Một số ngôn ngữ được quan tâm đặc biệt, chẳng hạn như: Cao Lan, La Ha, Nùng, Tày, Thái. Giá trị của những sáng tác mới gắn với các nhà văn thế hệ mới như Triệu Lam Châu, Dương Khâu Luông và dân tộc của họ cũng đã trở thành đề tài của nhiều luận văn, luận án. Như thế, nghiên cứu gắn liền với đào tạo, và đúng hơn là có thể được thực hiện trong đào tạo, sẽ được trình bày ở phần tiếp theo.

3.4. Thái học Việt Nam và một số đóng góp vào đào tạo về Việt Nam học

Về hình thức, việc đào tạo bài bản nhằm hình thành một đội ngũ chuyên gia về Thái học Việt Nam không dễ dàng. Tuy nhiên, tại các trường, cho đến nay đã thực hiện được một số lượng đáng kể khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ và luận án

¹ Quyết định số 121-TCTK/PPCD ngày 02/3/1979 của Tổng cục Thống kê.

² bút danh của Lục Văn Pào.

³ Quyết định số 121-TCTK/PPCD ngày 02/3/1979 của Tổng cục Thống kê.

⁴ lãnh tụ người Tày, Nùng, Tráng nổi lên đòi tự trị giữa Đại Tống và Đại Cồ Việt thời nhà Lý.

tiên sĩ. Đây thực sự là những công trình nghiên cứu từ mức độ tập sự đến nghiên cứu chuyên sâu; nhiều tác giả sau đó đã trở thành chuyên gia trong từng lĩnh vực tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu.

Một khó khăn lớn trong việc đào tạo là chưa có mã số riêng cho chuyên ngành Thái học. Nhiều nghiên cứu về Thái học được thực hiện với các mã số thuộc những chuyên ngành đã có. Ví dụ:

- Luận án *Phát huy giá trị di sản văn hóa của người Thái trong phát triển du lịch cộng đồng ở Con Cuông, Nghệ An* của Trần Thị Thủy (2020, Viện Việt Nam học và khoa học phát triển) được thực hiện theo chuyên ngành Việt Nam học - Mã số 62220113.

- Luận án *Tang ma của người Thái* của Lò Xuân Dừa (2016, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) được thực hiện theo chuyên ngành Văn hóa dân gian - Mã số 62220130.

- Luận án *Nghiên cứu cảnh hướng ngôn ngữ dân tộc Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam* của Hà Thị Tuyết Nga (2012, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) được thực hiện theo chuyên ngành Ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam - Mã số 62220125.

- Luận án *Vị trí tiếng Nùng Dín trong quan hệ với các phương ngữ Nùng và Tày ở Việt Nam* của Lê Văn Trường (2004, Viện Ngôn ngữ học) được thực hiện theo chuyên ngành Ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học ứng dụng và ngôn ngữ học toán học - Mã số 50428.

Về giảng dạy ngôn ngữ, theo chủ trương chung, việc dạy bốn thứ tiếng Thái, Tày, Nùng và Lào đã được triển khai tại các trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên ở địa phương. Nội dung này được đề cập trong ấn phẩm: Nguyễn Đức

Tồn và Vũ Thị Sao Chi (đồng chủ biên, 2022), *Giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam - Từ lý luận và thực tiễn đến cơ chế chính sách*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 911 trang¹.

Về nội dung đào tạo: Lịch sử và văn hóa của một số dân tộc trong ngữ hệ Thái-Kadai đã trở thành chủ đề riêng trong các chuyên đề đào tạo ở nhiều cấp và các bài giảng về các DTTS ở Việt Nam. Chẳng hạn, GS. Đặng Nghiêm Vạn (1930-2016) - một trong những người đi đầu nghiên cứu về ba dân tộc đông người nhất thuộc ngữ hệ Thái-Kadai - đã công bố bài viết “Đại cương về các nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Tày - Thái ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám” (*Thông báo Khoa học Sử học*, tập 2, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1961). Chắc chắn rằng, ông đã truyền đạt những hiểu biết đại cương này trong các bài giảng của mình tại trường (1963-1967).

Được biết, ngoài Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc (Thái Nguyên), còn có Khoa Quản lý văn hóa của Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội đã đưa hát Then vào giảng dạy cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa hệ dân sự từ năm 2002. Trường Năng khiếu tỉnh Cao Bằng cũng là một cơ sở có bề dày gần 40 năm đào tạo đàn hát Then. Trường Nghệ thuật Lạng Sơn, thành lập năm 1989, cũng từng là đơn

¹ Xem thêm: Vương Toàn (2019), “Dạy và học một số ngôn ngữ Tày - Thái: Thực trạng từ đầu thế kỷ XXI và khuyến nghị”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Cơ sở khoa học của nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ ở vùng DTTS*, ngày 19/2/2019, tr. 44-86; “Phát huy vai trò của tiếng Lào trong giao lưu hữu nghị Việt Nam - Lào”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tiếp tục vun đắp mối quan hệ vĩ đại Việt Nam - Lào Lào - Việt Nam và chia sẻ kinh nghiệm về công tác dân tộc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 321-330; Vương Toàn (2024), “Dạy và học tiếng Tày: Thực trạng và khuyến nghị”, *Tạp chí Văn nghệ Ba Bể*, số Xuân Giáp Thìn, tr. 16-19.

vị quan tâm đến việc đào tạo môn đàn hát Then, tuy nhiên đến năm 2018 thì trường này đã giải thể.

Về *giáo trình* phục vụ đào tạo, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc, Thái Nguyên đã tổ chức biên soạn giáo trình *Đàn hát Then dành cho trình độ Cao đẳng* (Chủ biên: ThS. Dương Thị Lâm). Giáo trình này đã được nghiệm thu cấp Bộ năm 2015 và đưa vào sử dụng từ năm đó, áp dụng cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa. Hiện nay, trong khi chờ được in và phát hành rộng rãi, nguồn tư liệu trong giáo trình này đang được nhiều cơ sở đào tạo nghệ thuật khác sử dụng để giảng dạy.

Học phần Văn hóa Tày - Nùng nằm trong chương trình đào tạo tín chỉ *Tiếng Tày* của Trung tâm Ngôn ngữ các DTTS tỉnh Thái Nguyên - đây là một chuyên đề trong toàn bộ chương trình học của lớp ngắn hạn. Môn tiếng Tày và tiếng Nùng được giảng dạy theo tỷ lệ phân bổ: 50% thời lượng dành cho tiếng Tày; 30% dành cho tiếng Nùng; 20% còn lại dành cho phần lý thuyết.

Việc dạy tiếng DTTS trong các cơ sở giáo dục hiện nay nằm trong chủ trương chung của Nhà nước. Theo Nghị định số 206/CP ngày 27/11/1961 của Hội đồng Chính phủ phê chuẩn các phương án chữ Tày-Nùng, chữ Thái, các ngôn ngữ này đều được coi là chính thức và được dùng: a) Trong việc xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân; b) Từng bước trong giảng dạy ở các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp; c) Trong công văn, giấy tờ của các cơ quan nhà nước và trong các hoạt động khác tùy theo sự cần thiết của địa phương...

Để phục vụ giảng dạy một số ngôn ngữ như Thái, Tày, Nùng và Lào, đã có sách giáo khoa và sách công cụ dưới dạng từ điển hỗ trợ. Tuy nhiên, để phù hợp với

tiếng địa phương, người Tày và người Nùng tiếp tục dùng bộ chữ Latinh để ghi ngôn ngữ riêng của mình, nhưng theo hướng không mâu thuẫn với chữ Quốc ngữ. Giáo trình tiếng Tày và tiếng Nùng được biên soạn theo hướng phù hợp với tiếng và chữ viết phổ biến tại địa phương. Theo chủ trương chung, đã có các giáo trình tiếng Tày dành riêng cho các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn (cũ), Lạng Sơn, Thái Nguyên, Yên Bái (cũ). Một số giáo trình đã in tại Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Thái Nguyên.

Người Thái quay lại sử dụng các bộ chữ truyền thống. Trong khi tại nhiều tỉnh như Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Thanh Hóa, Hòa Bình (cũ), Phú Thọ (cũ), cộng đồng người Thái cùng sử dụng bộ chữ Thái thống nhất, thì ở tỉnh Nghệ An lại sử dụng cả hai bộ chữ Lai Tay và Lai Pao (được công nhận là di sản quốc gia). Hiện đã có giáo trình riêng và được phổ biến theo từng địa bàn dân cư.

Trong khi đó, bộ sách giáo khoa tiếng Thái dành cho cấp Tiểu học do Lò Mai Cương chủ biên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định phê chuẩn và ban hành năm 2021.

Ngoài ra, Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã tổ chức lớp học chữ Nôm Tày - Nùng từ năm 2000-2002 với hơn chục học viên, chủ yếu là người trẻ. Nhờ đó, nhiều văn bản cổ lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã được dịch sang tiếng Việt và trở thành nguồn tư liệu quý phục vụ cho các nghiên cứu.

4. Kết luận

Việc nghiên cứu riêng về các tộc người thuộc ngữ hệ Thái-Kadai là một mảng không thể thiếu trong các công trình nghiên cứu về các DTTS ở Việt Nam. Về đào tạo, tuy đã có một số bài giảng và giáo trình liên quan đến Thái học, song đến nay mới

chỉ thực hiện được trong một số lĩnh vực nhất định.

Cộng đồng các tộc người thuộc ngữ hệ Thái-Kadai là một bộ phận hợp thành của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Thái học đã và đang hướng vào nghiên cứu cũng như đào tạo như một hợp phần không thể thiếu trong Việt Nam học, với những giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Là một bộ phận của Việt Nam học, Thái học góp phần đưa tiểu gia đình các dân tộc Thái-Kadai, cùng với cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bước vào thời kỳ phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới □

Tài liệu tham khảo

- Trần Trí Dõi (2015), *Các họ ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 - Hoàng Văn Ma (2015), “Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững”, trong: *Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ 7*, Lai Châu, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2015, tr. 314-321. In lại trong: *Thái học Việt Nam: 30 năm - Một chặng đường*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, tr. 154-165.
 - Hoàng Phê (chủ biên, 1988), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 - Vương Toàn (2016), Hoàng Khả Hưng và Nguyễn Tiểu Mỹ dịch, “Nghiên cứu về người Nùng và người Tày ở Việt Nam với những câu hỏi còn bỏ ngỏ”, *Tạp chí Khoa học của Đại học Dân tộc Quảng Tây*, tập 38, số 2, tháng 3, tr. 80-86 (tiếng Trung Quốc).
-
- (tiếp theo trang 20)
- Nguyễn Văn Kim (2021), “Ba di sản tiêu biểu của không gian văn hóa Đông Bắc - Quảng Ninh”, trong: Nguyễn Văn Kim (2021), *Việt Nam - Tiềm năng và Vị thế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 - Kling, A. Schulz, N. (2019), *From poverty to prosperity - Từ đói nghèo đến thịnh vượng*, Nguyễn Trường Phú, Hồ Quốc Tuấn dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Đào Linh (2026), “Từ khóa du lịch tỉnh Quảng Ninh 2025”, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh ngày 11/01/2026, <https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=161884>
 - Hải Sơn (2024), “Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa tỉnh Quảng Ninh trong phát triển kinh tế - xã hội”, *Tạp chí Công sản* ngày 20/08/2024, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/960202/bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-cac-di-san-van-hoa-tinh-quang-ninh-trong-phat-trien-kinh-te---xa-hoi.aspx>
 - Sở Du lịch Quảng Ninh (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021, 2022, 2023 và 2024*, Số liệu dẫn từ Báo cáo tháng 11/2024.
 - Nguyễn Ngọc Thiện, Từ Thị Loan (2021), *Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.